TAND HUYỆN L **TỈNH BẮC GIANG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2018

V/v: Ly hôn giữa anh H và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn Nâu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018, tại trụ sở TAND huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2018, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/3/2018 và các lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Thế H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 04/12/2000, tại UBND xã P, huyện L. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau trên cơ sở hợp pháp. Sau lễ cưới chị T có về gia đình anh làm dâu.Vợ chồng chung sống được khoảng thời gian đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và làm kinh tế gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và thương yêu nhau nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung, vợ chồng chưa có. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác vợ chồng không có gì vướng mắc nên anh không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên anh Nguyễn Thế H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên toà, anh Nguyễn Thế H vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị T là bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được Toà án giao, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn được quy định chị T không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị T vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật HNGĐ xử: Cho anh Nguyễn Thế H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. ***Về tố tụng*:** Ngày 11/5//2017, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự để mở phiên tòa xét xử vào 07 giờ 30’ ngày 31/5/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Do chị Nguyễn Thị T vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định mở phiên tòa xét xử lần hai vào 07h 30’ ngày 29/6/2018. Tòa án đã tiến hành tống đạt, đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chị Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt, còn anh Nguyễn Thế H vì công việc bận nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. ***Về nội dung vụ án:*** Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 04/12/2000, tại UBND xã P, huyện L. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau trên cơ sở hợp pháp. Sau lễ cưới chị T có về gia đình anh H làm dâu.Vợ chồng chung sống được khoảng thời gian đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống và làm kinh tế gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và thương yêu nhau nữa. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nguyện vọng xin được ly hôn của anh H là chính đáng, là có cơ sở và phù hợp với quy định Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được HĐXX xem xét, chấp nhận.

[3]. ***Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác***: Vợ chồng không có gì vướng mắc nên các đương sự không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của BLTTDS, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. ***Về án phí và quyền kháng cáo***: Anh Nguyễn Thế H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nguyễn Thế H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Thế H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0003037 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Nâu